

TẠP CHÍ

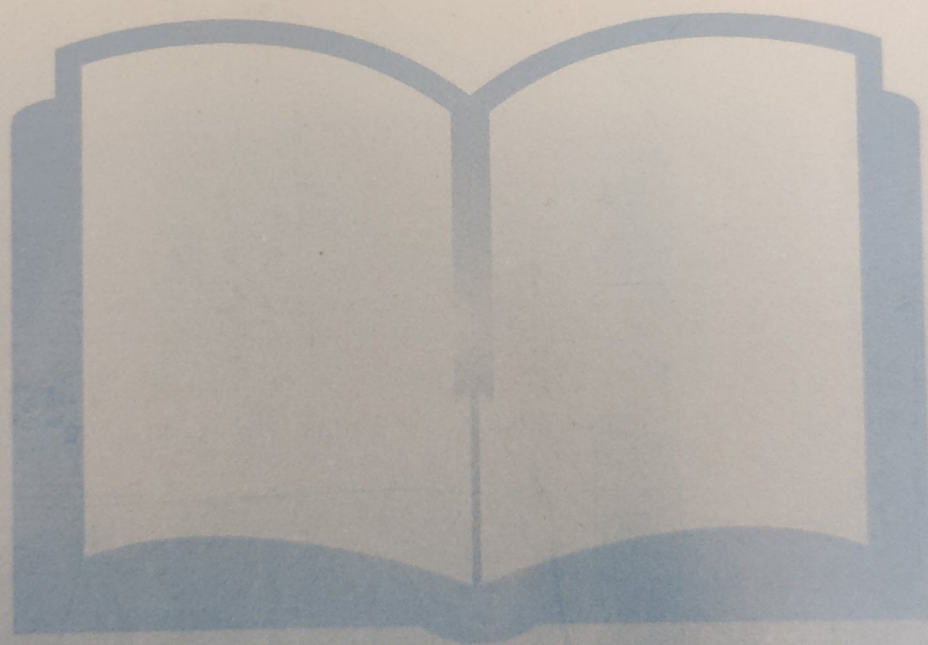
# GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI

Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, ĐIỂN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC

- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC, HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917



Số Đặc biệt tháng 3/2021 (kì 2)

# MỤC LỤC - CONTENTS

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 5 Trần Hoàng Hạnh:** Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ giảng viên Lý luận chính trị và vận dụng ở Việt Nam hiện nay - Ho Chi Minh's thought on building political teachers and the application in Vietnam in current condition.
- 10 Khúc Thị Hoàn:** Từ quan điểm của V.I.Lênin đến bài học kinh nghiệm về công tác cán bộ trong Đại hội XIII của Đảng - From the viewpoint of V. I. Lenin to the lesson for personnel work in the 13<sup>th</sup> National Congress of the Communist Party of Vietnam.
- 14 Ninh Thị Hồng:** Nâng cao chất lượng giảng dạy môn Lý luận chính trị ở các trường đại học trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - Enhancing the quality of teaching political theory at universities in the 4<sup>th</sup> Industrial Revolution.
- 19 Đỗ Thị Bích Thủy:** Ý nghĩa giáo dục đối với học sinh tiểu học qua tác phẩm "Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ" của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần - Educational significance for primary school students through the work "Open the window, eyes closed" by Nguyen Ngoc Thuan.
- 25 Nguyễn Thị Vân Anh:** Biện pháp nâng cao chất lượng giải toán có lời văn cho học sinh tiểu học - Measures to improve quality of mathematical word problem solving for primary students.
- 30 Trần Thị Vân:** Yêu cầu về năng lực của người giáo viên mầm non trong giai đoạn hiện nay - Capacity requirements for preschool teachers in the current period.
- 34 Lê Văn Lĩnh:** Rèn luyện trí thông minh cho học sinh tiểu học trong dạy học Toán - Nurture intelligence for primary pupils through mathematics education.
- 39 Vũ Thị Hương:** Đặc điểm từ ngữ chỉ "người" trong ca khúc tiếng Việt dành cho thiếu nhi - Characteristics of words for "people" in Vietnamese songs for children.
- 44 Vũ Hồng Anh:** Tích hợp kỹ năng sống trong dạy học Âm nhạc ở bậc Tiểu học - Integrating life skills in teaching music at primary school.
- 48 Trần Thọ Tân:** Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học giai đoạn hiện nay - Some solutions to improve the quality of defense and security education for university students in the current period.
- 52 Đinh Thị Thu Hương:** Giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên hiện nay - thực trạng và giải pháp - Education life skills for students today - status quo and solutions.
- 55 Võ Song Toàn:** Nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên chuyên ngành Luật tại các trường đại học không chuyên Luật - Improve the quality of law students' training at non-law universities.
- 61 Vũ Thị Thanh Châu:** Yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng giảng dạy trên lớp của giảng viên trẻ mới vào nghề ở các trường cao đẳng khu vực miền núi phía Bắc - Factors affecting classroom teaching skills of junior trainers at colleges in the Northern mountainous region.
- 66 Nguyễn Huyền Trang:** Biện pháp nâng cao giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay - Measures to improve political awareness education for students in the current context.
- 70 Trầm Thảo Vy:** Tác động của chuyển đổi số đối với sự phát triển của giáo dục đại học, cao đẳng hiện nay - Impacts of digital transformation on the development of university and college education.
- 74 Mã Ngọc Linh - Phạm Minh Huyền:** Biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ - Methods of managing the application of information technology in the credit-based training system.
- 79 Vũ Thị Hải:** Triết học về lịch sử của Augustino - Augustino's philosophy of history.
- 84 Nguyễn Thị Ngọc:** Ảnh hưởng của quan niệm Nho giáo về gia đình với xây dựng gia đình văn hóa ở Việt Nam hiện nay - Effects of Confucianism's concept of family with cultural family building in Vietnam today.
- 89 Đinh Thị Lương:** Biện pháp giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề - Method of educating cooperative skills for 4 to 5 year olds through role - playing games.
- 92 Nguyễn Thị Tuyết:** Hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong dạy Tiếng Anh cho trẻ em bậc Tiểu học - Effectiveness of using body language in teaching English to primary school children.
- 96 Nguyễn Như Mai:** Sử dụng trò chơi dân gian nhằm nâng cao khả năng vận động cho trẻ 5 - 6 tuổi ở trường mầm non - Use folk games to improve mobility for 5 to 6 year olds in preschool.
- 101 Bùi Khánh Ly:** Một số biện pháp chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi vào lớp Một - Several measures help 5 to 6 year old children to prepare for 1st grade.
- 106 Nguyễn Thị Thanh Hương:** Biện pháp nâng cao giáo dục âm nhạc cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non - Solutions to improve music education for preschoolers in kindergarten.
- 110 Nguyễn Thị Hải Yến:** Phát triển vốn tính từ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua hoạt động kể lại truyện văn học - Developing adjectives for 5-6 year old preschoolers through storytelling.



- 114 **Lương Minh Hạnh:** Luận cứ xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay - The ground for building a socialist democracy in Vietnam today.
- 119 **Đỗ Thị Thu Hằng - Nguyễn Tuấn Dũng - Trần Thị Thu Ngân:** Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc tham gia hoạt động giám sát, phản biện xã hội - Ho Chi Minh Communist Youth Union participates in social supervision and criticism.
- 123 **Lại Thị Thu Huyền:** Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thanh niên vào phát huy vai trò của thanh niên ở Việt Nam hiện nay - Applying Ho Chi Minh's ideology on the role of young people in promoting the role of youth in Vietnam today.
- 128 **Nguyễn Thị Nhung:** Một số khó khăn tâm lý - xã hội trong hoạt động của lực lượng công an xã chính quy tại địa bàn cơ sở - Some socio-psychological difficulties in activities of the official communal police force in the grassroots area.
- 133 **Phạm Thu Trà - Nguyễn Thị Nhung:** Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư - Building the worker class in the context of the Fourth Industrial Revolution.
- 137 **Nguyễn Tuấn Tài:** Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí điện tử - từ quy định pháp luật đến thực tiễn thực hiện - Copyright protection for electronic journalistic works - from current legal regulations to practical implementation.
- 144 **Nguyễn Thành Luân:** Quyền thừa kế của thai nhi theo quy định pháp luật Việt Nam - The inheritance rights of the fetus under Vietnamese law.
- 148 **Đông Anh Trường:** Một số khó khăn, bất cập trong xử lý tội phạm sử dụng vũ khí quân dụng - Some difficulties and shortcomings in handling criminals using military weapons.
- 152 **Chu Thị Minh Thương:** Pháp luật bảo vệ quyền lợi của lao động nữ ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp - Law on protection of female worker's rights in Vietnam - situation and solutions.
- 157 **Nguyễn Đức Sơn:** Tội phạm hiếp dâm người dưới 16 tuổi theo quy định của pháp luật Việt Nam - Regulations on the sanctions for rape of a person aged under 16 in the 2015 Penal Code.
- 161 **Đặng Văn Duy - Nguyễn Đức Bình:** Bạo lực học đường trong học sinh, sinh viên - thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa - School violence among students - situations, causes and preventive measures.
- 165 **Nguyễn Hà Bích - Nguyễn Xuân Tứ:** Phòng ngừa hoạt động "tín dụng đen" liên quan đến tệ nạn xã hội - Prevention of "black credit" related to social evils.
- 168 **Trương Thị Mỹ Hạnh:** Giải quyết tranh chấp đặt cọc: Lý luận và thực tiễn - Settlement of deposit disputes: theory and practice.
- 174 **Thái Việt Nam:** Biện pháp tạm giam trong tố tụng hình sự 2015 - Một vài vấn đề cần nghiên cứu và định hướng hoàn thiện - Detention measures in the 2015 Criminal Procedure Code - Some research questions and orientations for further improvement.
- 179 **Hoàng Thị Ngọc Mai:** Theo dõi phân làn đối tượng di chuyển dựa vào thuật toán bám bắt đối tượng di chuyển - Tracking division of moving objects based on object transferring initiation algorithm.
- 184 **Trần Thị Bích Nga:** Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam hiện nay - Completing the law on administrative liability in the field of environmental protection in Vietnam today.
- 189 **Hoàng Quý Phi:** Một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn - Solutions to improve properties and income controlling of the government officials in high powerful positions.
- 193 **Mai Đức Tâm:** Một số vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án cố ý gây thương tích của viện kiểm sát nhân dân cấp huyện - Some theory issues concerning the prosecution exercising rights and supervise the cases of intentional injury by the district-level people's procuracy.
- 197 **Lê Thị Thu Hiền - Nguyễn Long Thành:** Truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại phạm tội và một số vướng mắc khi áp dụng trong thực tiễn - Criminal liability of legal entities and problems in the practical implementation.
- 202 **Phan Thị Chánh Lý:** Trao đổi về quyền khác đối với tài sản và các biện pháp bảo vệ theo quy định Bộ luật Dân sự 2015 - Discuss on other rights to property and measures to protect property rights in accordance with the 2015 Civil Code.
- 206 **Nguyễn Bá Nghiêm:** Quản lý cư trú đối với người nước ngoài qua thực tiễn đại dịch Covid-19 - Management of residence for foreigners through the practice in the Covid-19 pandemic.
- 211 **Vũ Minh Hải - Nguyễn Ngọc Anh:** Tăng cường công tác phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở có biển quảng cáo sử dụng điện hiện nay - Strengthen fire prevention and fighting for establishments using electronic billboards.
- 215 **Hồ Thị Hương Loan:** Tăng cường các biện pháp phòng cháy chữa cháy đối với các cơ sở sản xuất có nguy cơ cháy, nổ xen cài ở khu dân cư trong tình hình hiện nay - Strengthen fire prevention and fighting measures for production establishments have a high risk of fires and explosions in residential areas in the current situation.
- 220 **Nguyễn Kiên Cường:** Trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao - Responsibilities of people's committees at all levels in the state management of fire prevention and fighting for residential areas having high risk of fire and explosion.

- 225 Nguyễn Ngọc Anh - Vũ Minh Hải:** Tăng cường công tác phòng cháy trong sử dụng điện đối với nhà ở, hộ gia đình kết hợp kinh doanh - Strengthen fire prevention in the use of electricity for houses, households combined economic activities.
- 229 Phan Ái Nhi:** Nâng cao vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự phát triển xã hội - Enhance the role of intellectuals in social development.
- 233 Nguyễn Trọng Tiến:** Xây dựng niềm tin cho bộ đội vào vũ khí, trang bị kỹ thuật trong giai đoạn hiện nay - Building soldiers' confidence in weapons and technical equipment in the current period.
- 238 Nguyễn Thị Huệ - Lê Thị Thanh Huyền:** Cuộc sống và hoạt động tham vấn trợ giúp trẻ em trong các gia đình ly hôn - Life and consulting activities to support children of divorced families.
- 243 Vũ Thị Nhân:** Từ thống nhất giữa lí luận và thực tiễn đến nhất quán tư tưởng và hành động trong thực hiện nhiệm vụ được giao của chi bộ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Thủ Dầu Một - From the unification between theory and practice to the consistency of thought and action in performing the assigned tasks of the Pedagogical Department of Thu Dau Mot University.
- 247 Dương Thị Kim Huệ:** Công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ở Thái Nguyên giai đoạn 1951-1954 - Construction of the local armed forces in Thai Nguyen in the period 1951-1954.
- 251 Bùi Văn Mười:** Chăm lo bồi dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh - Fostering and training revolutionary morals for young people according to Ho Chi Minh's thought.
- 256 Tạ Thị Lan Hương:** Quản lý đối tượng có biểu hiện "ngáo đá" phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm - Manage objects with "stubborn" signs for crime prevention.
- 260 Võ Hữu Lưu:** Quan hệ phối hợp trong tuyên truyền phòng ngừa tệ nạn ma túy lứa tuổi thanh thiếu niên giữa lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Coordination in propaganda to prevent teenage drug evils between the police force investigating drug-related crimes and the Ho Chi Minh Communist Youth Union.
- 263 Lê Đức Anh:** Nâng cao trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy của người đứng đầu cơ sở trong tình hình hiện nay - Improve responsibility for fire prevention and fighting of the head of the establishment in the current situation.
- 268 Nguyễn Thị Linh - Nguyễn Duy Hiệp:** Mức độ nghiện mạng xã hội của thanh thiếu niên hiện nay - Levels of addiction to social networks among teenagers today.
- 272 Trần Thu Hương - Dương Xuân Diệu:** Kinh nghiệm phát triển du lịch thông minh cho tỉnh Đồng Nai từ các nước phát triển - Experience to develop smart tourism for Dong Nai province of developed countries.
- 277 Bùi Tường Vân:** Đám cưới truyền thống của người Dao quần trắng ở tỉnh Tuyên Quang - Traditional wedding of Dao with white trousers in Tuyen Quang province (Case study in Lang Quan commune, Yen Son district, Tuyen Quang province).
- 281 Lê Thị Huyền:** Phát triển nông nghiệp thông minh 4.0 ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp - Developing smart agriculture 4.0 in Vietnam: current situation and solutions.
- 286 Cao Xuân Hiệp:** Một số kinh nghiệm trong công tác vận động quần chúng ở vùng dân tộc thiểu số của Công an tỉnh Lạng Sơn - Some experience in mass mobilization in ethnic minority areas by the Lang Son Police.
- 290 Trần Thị Mỹ Bình:** Ý thức tự giác tộc người của người Cao Lan - nhìn từ góc độ quyền văn hóa - Ethnic self-awareness of the Cao Lan - A cultural rights approach.
- 295 Đào Huyền Trang:** Hoa văn hình ảnh con người trên trống đồng Ngọc Lũ - Human pattern in Ngoc Lu kettledrum.
- 300 Trương Xuân Hòa:** Một số kinh nghiệm trong tuyên truyền, vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Công an tỉnh Bắc Giang - Some experiences in propagating and mobilizing people to hand over weapons, explosives and supporting tools of the Bac Giang Province Police.
- 303 Hà Thị Thu Trang:** Tuyên Quang đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh - Tuyen Quang promotes tourism to become an important economic sector of the province.
- 308 Bùi Như Hiến - Hoàng Mai Phương:** Một số vấn đề về quản lý tài chính trong doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam - Some problems and solutions for financial management in Vietnamese agricultural enterprises.
- 312 Đặng Thị Hồng Phượng:** Tác động của cửa hàng tiện lợi đến việc phát triển kinh tế hộ gia đình ở nông thôn - Mô hình và giải pháp - Suggest a model and solutions to cope with the impact of convenience stores on rural household economic development.

#### THỰC TIỄN GIÁO DỤC - EDUCATION FACTS

- 318 Đinh Văn Sơn:** Nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên không chuyên Anh năm nhất Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh - Reality and solutions to enhance freshmen non-English majors' speaking skills at Ho Chi Minh University of Food Industry.
- 322 Đào Thị Ngọc Liên:** Biện pháp quản lí hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non - Measures to manage sex education activities for children at preschools.



- 327 Phạm Thị Hải Yến - Lê Đăng An:** Xây dựng các bước tổ chức giảng dạy học phần Sinh lý thể dục thể thao theo mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) với sự hỗ trợ của Zalo ở Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Building steps for teaching sports physiology under blended learning model with the support of Zalo at Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism.
- 332 Kiều Bình Trung - Đặng Hà:** Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng đào tạo hệ liên thông tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Improve the effectiveness of training quality verification at the People's Police Academy.
- 336 Đỗ Thị Nguyệt:** Quy trình hướng dẫn phương pháp tự học trong giảng dạy học phần "Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin" (phần 2) ở Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây - The process of guiding the self-study method in teaching the unit Basic principles of Marxism-Leninism (part 2) at Ha Tay College of Education.
- 342 Lê Thị Tuyết - Lê Thu Trang:** Nâng cao chất lượng dạy thanh nhạc cho sinh viên Giáo dục mầm non Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Improving quality of teaching vocal music for preschool students at Thanh Hoa Culture, Sports and Tourism University.
- 348 Huỳnh Trần Thanh Nhã:** Biện pháp quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường ở trường mầm non - Measures to manage school culture building activities at preschools.
- 353 Nguyễn Trí Trung:** Áp dụng kỹ thuật Shadowing trong dạy kỹ năng nghe cho sinh viên Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội - Application of shadowing technique in teaching listening for students of International School - VNA, Hanoi.
- 358 Nguyễn Thị Thúy Yên:** Quản lý hoạt động giáo dục kĩ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non - Managing activities for educating social skills for children at preschools
- 362 Bùi Thanh Xuân:** Tăng cường định hướng sư phạm trong quá trình dạy học học phần Đại số cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc - Enhancing pedagogical orientation in teaching Algebra section for students of Primary Education, Tay Bac University.
- 369 Tào Thị Thu Thảo:** Nghiên cứu kết hợp kỹ năng đọc trong giảng dạy Viết tiếng Anh cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Research on integrating reading and writing in teaching writing for English majors at Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism.
- 374 Trần Thị Tuấn Hiền:** Quản lý hoạt động giáo dục trẻ mẫu giáo theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm ở trường mầm non - Administration of child education activities with children centered viewpoints in the
- 379 Cao Đắc Việt:** Nâng cao chất lượng huấn luyện quân sự, võ thuật, thể dục thể thao cho học viên đầu khóa tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Improve the quality of military training, martial arts and sports training for freshmen at the People's Police Academy.
- 383 Nguyễn Thị Thủy:** Hoạt động tư vấn việc làm tại Trường Đại học Tân Trào - Employment counseling activities at Tan Trao University.
- 387 Trịnh Thị Thúy Khuyên:** Lựa chọn ca khúc Việt Nam trong đào tạo Thanh nhạc tại Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá - Choose Vietnamese song in educating vocal music at Thanh Hoa Univeristy of Culture, Sports and Tourism.
- 392 Võ Ngọc Trâm:** Phát triển đội ngũ giáo viên ở các trường mầm non tư thục - Developing the teaching staff in private preschools.
- 396 Bùi Văn Tuấn:** Nghiên cứu một số bài tập thể lực chuyên môn nhằm nâng cao thành tích chạy 100 mét cho nam sinh viên ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Research on some specialized physical exercises to improve male students' 100 meters performance at the University of Natural Resources and Environment of Ho Chi Minh City.
- 400 Nguyễn Thị Thao:** Nâng cao năng lực tự học Tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải - Some solutions contribute to improving English self-study capacity for University of Transport Technology's students.
- 404 Biện Hùng Vỹ:** Nghiên cứu một số bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên đại học Khóa 9 - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Research on some general fitness development exercises for course 9 male students - Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment.
- 408 Trần Tấn Thành:** Nâng cao hiệu quả dạy - học giao tiếp tiếng Anh tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân - Enhancing the efficiency of English communication teaching and learning at the People's Police University.
- 414 Nguyễn Thị Thanh Thủy:** Vận dụng mô hình học tập kết hợp trong dạy - học Tiếng Anh tại Trường Đại học Hạ Long - The application of model Blended-Learning in teaching and learning English at Ha Long University.
- 419 Đỗ Thị Hoa:** Một số yếu tố ảnh hưởng đến đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển - Factors affecting students' completion of English outcome standard at Academy of Policy and Development.

# MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TẠI HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

ĐỖ THỊ HOA

Học viện Chính sách và Phát triển

Nhận bài ngày 08/3/2021. Sửa chữa xong 28/3/2021. Duyệt đăng 29/3/2021.

## Abstract

The paper synthesizes and outlines the theoretical basis of research models of factors affecting English outcome standards. On that basis, the author conducted a research survey of 04 student courses (Course 5, 6, 7 and 8) at Academy of Policy and Development. The research results have been considered as a reference channel for foreign language teachers and for leaders of the Academy as well as related functional departments to learn about the factors that affect English outcome standards completion of students at Academy of Policy and Development. Based on that, solutions can be made to create a positive impact on the rate of students who meet English outcome standard at Academy of Policy and Development.

**Keywords:** Factors, English outcome standard, students, Academy of Policy and Development.

## 1. Đặt vấn đề

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện Chính sách và Phát triển đã xây dựng lộ trình đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) tiếng Anh cho sinh viên (SV) kể từ khóa 5 (2014-2018). Tuy nhiên, một thực tế đáng lo ngại hiện nay là tỷ lệ SV không tốt nghiệp đúng hạn do thiếu CĐR tiếng Anh đang ở mức đáng báo động. Có khá nhiều giả thuyết về nguyên nhân tỷ lệ SV đạt CĐR tiếng Anh thấp được đưa ra nhưng chưa có một nghiên cứu chuyên sâu nào chỉ ra nguyên nhân của tình trạng SV gặp khó khăn trong việc đạt CĐR tiếng Anh tại Học viện Chính sách và Phát triển. Bài báo tập trung phân tích những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới việc học tập của SV như đặc điểm người học, đặc điểm của GV, tài liệu học tập hay môi trường học tập cũng là yếu tố khiến tỷ lệ đạt CĐR tiếng Anh trong SV thấp. Nhóm nghiên cứu cũng đã tham khảo một số nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài này. Trong đó, có thể kể đến loạt nghiên cứu của NCS. Trương Tố Loan với 2 đề tài: Một số biện pháp quản lý dạy học môn Tiếng Anh ở trường đại học đáp ứng CĐR [1, tr. 113-118]; Thực trạng quản lý hoạt động học tập tiếng Anh của SV một số trường đại học không chuyên ngữ ở Hà Nội đáp ứng CĐR [2, tr. 316-320]. Đối với những nghiên cứu liên quan đến đề tài ở phạm vi hẹp hơn, có thể kể đến nghiên cứu "Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội" của tác giả Hoàng Văn Vân [3, tr. 22-37]. Bài viết giải thích tại sao chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội vẫn còn thấp kém.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai dựa trên các nguồn dữ liệu như sau: - *Dữ liệu sơ cấp*: Lập mẫu điều tra khảo sát; - *Dữ liệu thứ cấp*: Thu thập số liệu từ tài liệu tham khảo của Học viện sẵn có.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu/phân tích dữ liệu đã được thu thập

Để hoàn thành mục tiêu đề ra, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: - Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Khung lý thuyết và tổng quan tài liệu được tác giả tổng hợp qua việc nghiên cứu,



tìm tài liệu, sau đó tổng hợp và phân tích; - Phương pháp điều tra khảo sát: Tác giả chọn phương pháp mẫu điều tra khảo sát với mục đích đảm bảo kết quả thu được mang tính đại diện và có ý nghĩa thống kê cho nghiên cứu.

**2.3. Việc áp dụng CĐR tiếng Anh đối với SV Khóa 5, 6, 7 tại Học viện Chính sách và Phát triển**

Trong báo cáo công tác đào tạo năm học 2019-2020 của Phòng Quản lý đào tạo cho biết, tỷ lệ SV cuối khóa đạt CĐR tiếng Anh, tin học thấp. Đối với CĐR tiếng Anh có 62% chưa đạt (tính đến 30/10/2020) [4].

Khóa	Tổng số SV	Đã đạt	Chưa đạt	Số lượng đạt năm 2020	Tỷ lệ đạt (%)
5	433	384	45	77	88.7%
6	470	245	225	50	52%
7	502	183	319	183	36.5%

Bảng 1: Báo cáo số lượng SV đạt CĐR tiếng Anh

**2.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến CĐR tiếng Anh**

**2.4.1. Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến CĐR tiếng Anh**

Bằng kiến thức thông thường chúng ta biết rằng kết quả học tập của SV có phạm vi rộng các yếu tố tác động. Theo (Evans 1999) thì những yếu tố tác động đến kết quả học tập của SV bao gồm 5 nhóm khác nhau [5]: 1/ Đặc trưng về nhân khẩu; 2/ Đặc trưng về tâm lý; 3/ Kết quả học tập trước đây; 4/ Yếu tố xã hội; 5/ Yếu tố tổ chức.

Bài nghiên cứu của tác giả Võ Thị Tâm (2010) cho rằng, SV các hệ học khác ngoài hệ chính quy thì hệ thống kiểm tra đáng tin cậy còn các hệ khác thì kết quả học tập đôi khi chưa phản ánh chính xác cho các yếu tố đầu vào [6, tr. 11-12]. Tác giả Võ Thị Tâm (2010) cũng đề nghị mô hình gồm 5 yếu tố có tác động đến kết quả học tập của SV như: 1/ Kiên định học tập; 2/ Động cơ học tập; 3/ Cạnh tranh học tập; 4/ Ấn tượng trường học; 5/ Phương pháp học tập. Kết quả kiểm định cho thấy, yếu tố kiên định học tập không có ý nghĩa thống kê.

Trong khi đó theo Mushtaq, I., & Khan, S. N (2012) cũng nêu câu hỏi tương tự là những nhân tố quan trọng nào ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV [7, tr. 17-22]. Mục tiêu của tác giả bài viết là khám phá những nhân tố quan trọng có ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV. Từ đó đề nghị mô hình gồm 4 nhân tố tác động đến kết quả học tập của SV gồm: 1/ Sự giao tiếp; 2/ Những tiện ích phục vụ cho việc học; 3/ Sự hướng dẫn kịp thời; 4/ Những căng thẳng của gia đình. Trong đó yếu tố thứ 3 là biến mới được khám và đưa vào mô hình để kiểm định.

Một khía cạnh khác mà Young-Jones (2012) nghiên cứu về vấn đề tư vấn học đường tác động đến sự thành công học tập của SV như thế nào [8]. Tác giả này đề nghị mô hình 6 nhân tố tác động đến gồm: 1/ Trách nhiệm người tư vấn; 2/ Khả năng người tư vấn; 3/ Trách nhiệm của SV; 4/ Sự tự tin của SV; 5/ Kỹ năng học tập của SV; 6/ Sự trợ giúp về nhận thức.

Đúc kết từ kinh nghiệm của những nghiên cứu trước, nhóm nghiên cứu tập trung phân tích theo khung lý thuyết về các điều kiện để hoạt động giảng dạy ngoại ngữ có thể diễn ra, cụ thể: 1/ Đặc điểm của GV (nhân cách, trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy...); 2/ Đặc điểm của người học (thái độ, phương pháp, động cơ học tập...); 3/ Tài liệu học tập (giáo trình, phương tiện kỹ thuật); 4/ Môi trường học tập (chính sách của nhà trường, điều kiện học tập, phong trào học tập...). Trong đó, trực tiếp gây ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động dạy học là đặc điểm của người học - yếu tố chịu sự chi phối của nhiều yếu tố tác động, trong đó yếu tố tự học và yếu tố động cơ, thái độ đóng vai trò quyết định đối với hoạt động học ngoại ngữ.

**2.4.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến CĐR tiếng Anh**

Sau khi tiến hành khảo sát để thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS, nhóm nghiên cứu thu được những kết quả như sau:

**a. Đặc điểm của đội ngũ GV**

Giá trị trung bình của các câu hỏi là 3.74, trong đó giá trị trung bình nhỏ nhất 3.605, giá trị trung

bình lớn nhất 3.961. Kết quả này cho thấy, đa số SV được hỏi đều đánh giá cao và phản hồi tích cực đối với đội ngũ GV của Học viện. Kết quả nghiên cứu khảo sát từ phía SV cho biết, việc đội ngũ GV đã thực hiện vai trò khá tốt trong việc trang bị kiến thức trên lớp, kỹ năng tự học cũng như nhận thức về quy định CĐR tiếng Anh cho SV.

**b. Tài liệu học tập, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy môn Tiếng Anh**

“Tài liệu học tập trên lớp phù hợp với trình độ SV và đáp ứng nhu cầu học tập”, “Nội dung chương trình bám sát mục tiêu CĐR tiếng Anh của trường (TOEIC/IELTS và tương đương)” có giá trị trung bình đạt lần lượt là 3.32, 3.20.

Theo kết quả khảo sát về Tài liệu học tập thì 49% người hỏi đồng ý và rất đồng ý với “Tài liệu học tập trên lớp phù hợp với trình độ SV và đáp ứng nhu cầu học tập”, gấp 2,3 lần con số 21% người hỏi không đồng ý về câu hỏi khảo sát này, ngoài ra, số lượng người giữ ý kiến trung lập cũng khá lớn với 30%.

Theo kết quả khảo sát về Nội dung chương trình thì 46% người hỏi đồng ý và rất đồng ý với “Tài liệu học tập trên lớp phù hợp với trình độ SV và đáp ứng với nhu cầu học tập”, gấp 1,5 lần con số 31% người hỏi không đồng ý về câu hỏi khảo sát này, ngoài ra, số lượng người giữ ý kiến trung lập là 24%.

Để làm rõ hơn kết quả khảo sát đối với hai câu hỏi này, nhóm nghiên cứu đã sử dụng Independent Samples T-test trong SPSS để so sánh hai đối tượng cho hệ đại học (hệ chất lượng cao và hệ đại học chuẩn), khóa học (cựu SV và SV năm cuối) và thu được kết quả như sau:

Câu hỏi khảo sát	Hệ	Mẫu	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Câu 7: Tài liệu học tập trên lớp phù hợp với trình độ SV và đáp ứng với nhu cầu học tập.	CLC	22	3.227	0.7516
	ĐHC	54	3.352	1.0123
Câu 8: Nội dung chương trình bám sát mục tiêu CĐR tiếng Anh của trường (TOEIC/IELTS và tương đương).	CLC	22	2.864	1.0821
	ĐHC	54	3.333	1.1655

*Bảng 2: Kết quả so sánh hai đối tượng về tài liệu học tập và nội dung chương trình*

Từ bảng khảo sát trên đây cho thấy, đánh giá của SV ở cả hai hệ chất lượng cao và đại học khá tương đồng về tài liệu học tập với giá trị trung bình lần lượt là 3.227 và 3.352. Trong khi đó đánh giá của SV hệ chất lượng cao về nội dung học tập đặc biệt thấp, giá trị trung bình là 2.864, so với tương quan của hệ đại trà ở mức khá 3.333. Qua đây có thể thấy, tài liệu học tập cũng như nội dung chương trình học cần được xem xét, điều chỉnh ở mức độ nhất định đáp ứng tốt hơn yêu cầu của SV, đặc biệt là nội dung chương trình học của hệ chất lượng cao.

Để làm rõ hơn kết quả khảo sát đối với câu hỏi về tài liệu thư viện, nhóm nghiên cứu tiếp tục sử dụng Independent Samples T-test trong SPSS để so sánh hai đối tượng: hệ chất lượng cao và hệ đại học chuẩn, kết quả thu được như số liệu ở bảng 3.

Câu hỏi khảo sát	Hệ	Mẫu	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Câu 9: Thư viện cung cấp đủ tài liệu học và tham khảo tiếng Anh cho quá trình tự học của SV.	CLC	22	2.909	0.9211
	ĐHC	54	3.352	0.9348

*Bảng 3: Kết quả so sánh hai đối tượng về thư viện*

Qua kết quả ở bảng trên có thể thấy, đánh giá của SV hệ đại học chuẩn với tài liệu thư viện là khá tốt với giá trị trung bình 3.352, trong khi đó SV chất lượng cao chỉ đưa ra câu trả lời với giá trị trung bình 2.909. Điều này có thể thấy, thư viện đã đáp ứng được nhu cầu của SV hệ đại học chuẩn nhưng vẫn còn phải bổ sung và tăng cường nhiều tài liệu liên quan nếu như muốn đạt được kết quả tương tự với hệ chất lượng cao.

**c. Môi trường học tập**

Đối với nhóm câu hỏi khảo sát đạt giá trị trung bình cao, ta có thể ghi nhận câu 13, câu 14 và câu 16 với các giá trị tương ứng lần lượt là 3.75, 3.88 và 3.97. Điều này cho thấy phần lớn SV đều đồng ý rằng quy mô sĩ số lớp học tối đa 30 người và điều kiện phòng học đáp ứng được các yêu cầu học tập.



Đối với nhóm câu hỏi khảo sát đạt giá trị trung bình không cao, nhóm nghiên cứu tiếp tục sử dụng Independent Samples T-test trong SPSS để so sánh hai đối tượng cho hệ đại học (hệ chất lượng cao và hệ đại học chuẩn) và thu được kết quả như sau:

Câu hỏi khảo sát	Hệ	Mẫu	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Câu 10: Thời khóa biểu được sắp xếp hợp lý.	CLC	22	3.227	0.9726
	ĐHC	54	3.537	0.8625
Câu 11: Trình độ tiếng Anh của SV trong mỗi lớp học tương đối đồng đều.	CLC	22	2.818	1.0527
	ĐHC	54	2.889	1.0401
Câu 12: Hình thức tổ chức kiểm tra, thi cử phù hợp với trình độ và đánh giá đúng năng lực SV.	CLC	22	3.136	0.9902
	ĐHC	54	3.648	0.9348
Câu 15: Thời lượng học Tiếng Anh trên lớp đáp ứng đủ cho việc thi CĐR tiếng Anh.	CLC	22	2.909	1.0650
	ĐHC	54	3.463	1.0040

*Bảng 4: Kết quả so sánh hai đối tượng về thời khóa biểu, phân loại trình độ, kiểm tra, đánh giá và thời lượng học trên lớp*

Từ kết quả ở bảng trên cho thấy, SV hệ đại học chuẩn có đánh giá khá tốt về sự hợp lý của thời khóa biểu và hình thức kiểm tra thi cử với giá trị trung bình lần lượt là 3.537 và 3.648, trong khi hai điểm này đều chưa thực sự thuyết phục đối với SV hệ chất lượng cao. Ngoài ra, SV cả 2 hệ đều đồng thuận cho rằng, thời lượng học Tiếng Anh trên lớp không đáp ứng đủ cho thi CĐR tiếng Anh, đặc biệt là với hệ chất lượng cao. Cuối cùng là phân loại trình độ tiếng Anh của SV trong mỗi lớp học không đồng đều với giá trị trung bình lần lượt là 2.818, 2.889 cho hệ chất lượng cao và hệ đại học chuẩn.

**d. Đặc điểm của người học**

- Động cơ và thái độ học tập: Trước hết về động cơ và thái độ đối với việc học Tiếng Anh, nhóm nghiên cứu thu được kết quả khảo sát như sau: + Kết quả khảo sát tầm quan trọng của môn học Tiếng Anh cho thấy, phần lớn SV coi môn học Tiếng Anh là cực kỳ quan trọng, ưu tiên hàng đầu (71%), trong khi 27% SV coi tiếng Anh như những môn học cơ bản khác trong nhà trường, thậm chí 2% SV cho rằng, không quan trọng lắm và không cần thiết phải học; + Kết quả khảo sát về động cơ học Tiếng Anh cho thấy, quá nửa số SV có động lực học Tiếng Anh để tìm được việc làm tốt sau khi ra trường (58%) và 11% học Tiếng Anh do yêu thích, trong khi đó 30% SV coi động lực học Tiếng Anh do là môn bắt buộc trong nhà trường và cần học để ra trường.

Qua phân tích hai kết quả khảo sát trên có thể rút ra kết luận: một bộ phận không nhỏ SV có động cơ học tập cũng như đánh giá tầm quan trọng của môn học như những môn học thông thường khác.

Từ đó có thể giải thích được những thông số về kết quả khảo sát liên quan đến sự nỗ lực trong học tập hay phản ứng của SV khi GV Tiếng Anh đưa ra câu hỏi. Theo đó, chỉ có 28% SV chủ động tích cực trong giờ học, trong khi 17% SV chỉ trả lời khi được gọi, 41% SV biết nhưng không trả lời, thỉnh thoảng mới phát biểu và thậm chí 15% SV rất ít khi phát biểu vì không biết đáp án.

Đối với nội dung đánh giá của SV về CĐR tiếng Anh thì thu được kết quả khảo sát như sau: Theo kết quả khảo sát 59% SV đánh giá CĐR tiếng Anh của Học viện phù hợp với SV cũng như nhu cầu xã hội, thậm chí có 8% SV cho rằng, cần nâng chuẩn lên. Bên cạnh đó cũng có 20% SV cho là chuẩn này phù hợp với nhu cầu xã hội nhưng chưa hợp lý với trình độ của SV, thậm chí 13% SV cho biết, cần phải hạ chuẩn. Như vậy, có thể thấy một tỷ lệ không nhỏ (33%) cho CĐR này là quá sức đối với SV.

Tương tự như kết quả khảo sát ở trên, 50% SV cho việc đạt CĐR tiếng Anh là bình thường, 11% SV cho rằng dễ và rất dễ, có đến 39% SV cho biết, việc đạt CĐR này là khó đến rất khó. Từ đây có thể rút ra kết luận: thái độ tiêu cực đối với CĐR tiếng Anh của một bộ phận không nhỏ SV có thể dẫn đến những rào cản trong quá trình học ngoại ngữ.

- Yếu tố tự học: Từ kết quả khảo sát có thể nhận thấy, những lý do về động cơ từ phía SV như không

muốn học, không có thời gian học, chưa thấy cần thiết phải học ngay chiếm 57% và lý do về phương pháp - không biết bắt đầu từ đâu, chiếm 43%. Phân tích như vậy có thể giúp nhà quản lý đưa ra được nhóm giải pháp tương ứng. Ở đây có thể thấy được thái độ học tập tiêu cực của một bộ phận không nhỏ SV trong việc hướng đến đạt CĐR tiếng Anh. Từ cơ sở này nên kết quả khảo sát về hình thức học Tiếng Anh của SV cũng cho thấy kết quả không có gì bất ngờ.

Theo kết quả khảo sát thì hình thức học được phần lớn SV lựa chọn là kết hợp học trên lớp với học thêm ở trung tâm chiếm 67%, bên cạnh đó 17% SV chỉ đăng ký học trên lớp và chỉ có 16% SV có khả năng tự học. Như vậy, có thể thấy được một yếu điểm của SV chính là khả năng tự học và lựa chọn phương pháp, kế hoạch tự học phù hợp.

## **2.5. Một số giải pháp nâng cao tỷ lệ đạt CĐR tiếng Anh tại Học viện Chính sách và Phát triển**

### **a. Đối với đội ngũ GV**

Đây là một yếu tố nhận được đánh giá khá cao và tích cực từ SV. Vì vậy, cần giữ vững và phát huy hơn nữa điểm mạnh này trong tương lai. Ngoài ra, trong quá trình điều chỉnh để nâng cao tỷ lệ đạt CĐR tiếng Anh, GV giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc chủ động, sáng tạo để xuất những giải pháp và vận dụng linh hoạt trong quá trình triển khai.

### **b. Đối với tài liệu học tập, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy môn Tiếng Anh**

Căn cứ vào kết quả khảo sát, theo chúng tôi cần thực hiện một số điều chỉnh đối với nhóm yếu tố này như sau: - Điều chỉnh tài liệu học tập cho cả 2 hệ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của SV; - Nội dung chương trình học cần bám sát mục tiêu CĐR hơn nữa, đặc biệt là đối với hệ chất lượng cao. Có như vậy mới thúc đẩy động cơ và thái độ học tập tích cực từ phía người học; - Thư viện cần bổ sung tài liệu học tập, sách tham khảo tiếng Anh, đặc biệt là những tài liệu liên quan IELTS để phục vụ nhu cầu rất cao của SV hệ chất lượng cao của Viện Đào tạo quốc tế.

### **c. Đối với môi trường học tập**

Theo kết quả khảo sát về môi trường học tập, nhóm nghiên cứu đã xây dựng một loạt các đề xuất như sau: - Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, được SV đánh giá cao như sĩ số quy mô lớp và phòng học ngoại ngữ; - Điều chỉnh thời khóa biểu phù hợp hơn, đặc biệt với SV hệ chất lượng cao để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc học tập của SV; - Nghiên cứu đề xuất phương án phòng máy hoặc phòng tự học,... để hỗ trợ cho việc tự học của SV; - Xem xét việc phân chia trình độ đồng đều giữa các lớp ở cả hai hệ; - Nghiên cứu điều chỉnh phương thức kiểm tra, đánh giá tổ chức thi cho SV hệ chất lượng cao để tạo động lực học tập cho SV. Cuối cùng và cũng không kém phần quan trọng là Học viện cần phân tích tổng thể và xem xét khả năng tăng thời lượng học Tiếng Anh trên lớp cho SV của cả 2 hệ, đặc biệt là SV hệ chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu học tập của SV nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **d. Đối với người học**

Cần có những biện pháp tác động để tăng cường nhận thức của SV đối với tầm quan trọng của tiếng Anh, thay vì chỉ coi tiếng Anh như một môn học bắt buộc trong nhà trường như các môn học khác. Ngoài ra, GV cần triển khai một loạt những hoạt động kích thích hứng thú của SV trong giờ học để tạo điều kiện thúc đẩy SV tham gia chủ động, tích cực vào nội dung bài học. Bên cạnh đó, triển khai một số lớp bồi dưỡng tiếng Anh tại Học viện để đáp ứng nhu cầu hướng dẫn học tập của SV trong quá trình ôn thi chuẩn bị cho CĐR tiếng Anh. Hơn nữa, GV cần xây dựng những tài liệu, sách tham khảo với mục đích hướng dẫn phương pháp tự học cho SV để hướng đến việc đạt CĐR tiếng Anh. Cuối cùng và cũng không kém phần quan trọng, Học viện cần tham khảo kinh nghiệm các trường, phân tích một cách tổng thể để xem xét khả năng điều chỉnh CĐR tiếng Anh theo hướng vừa sức hơn cho SV, đặc biệt là SV hệ chất lượng cao với bài thi IELTS 4 kỹ năng khá áp lực cho SV.

## **3. Kết luận**

Việc đạt được CĐR tiếng Anh của SV phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó 4 yếu tố được nêu ra trong nghiên cứu này như đặc điểm của GV, tài liệu học tập, môi trường học tập và đặc điểm người học được xem là những yếu tố ảnh hưởng chính của quá trình này. Qua kết quả khảo sát, nhóm nghiên



cứ có thể đưa ra một hệ thống những đề xuất, giải pháp theo từng nhóm đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, để triển khai, thực hiện được thành công những giải pháp này cần sự chung tay của toàn Học viện. Hiện nay, việc dạy - học ngoại ngữ ở nước ta còn nhiều vấn đề bất cập. Đây không phải là khó khăn của riêng một cơ sở giáo dục đại học mà là vấn đề chung của tất cả các trường. Do đó, cần có sự cảm thông, quan tâm hơn nữa từ phía Ban lãnh đạo Học viện và các phòng ban liên quan. Hơn ai hết, đây là những người hiểu rõ được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với SV và nghề nghiệp tương lai của các em sau khi ra trường cùng với những vấn đề khó khăn trong giảng dạy ngoại ngữ, tỉ lệ đạt CĐR mà hầu hết các trường đều đang gặp phải để từ đó có những quy định và giải pháp phù hợp. Cụ thể, hiện tại Học viện là đơn vị duy nhất chỉ áp dụng CĐR quốc tế cho SV và mức điểm cao theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Tài liệu tham khảo**

1. Trương Tố Loan, *Một số biện pháp quản lý dạy học môn Tiếng Anh ở trường đại học đáp ứng chuẩn đầu ra*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10/2019.
2. Trương Tố Loan, *Thực trạng quản lý hoạt động học tập Tiếng Anh của sinh viên một số trường đại học không chuyên ngữ ở Hà Nội đáp ứng chuẩn đầu ra*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 01 tháng 5/2020.
3. Hoàng Văn Vân, *Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tiếng Anh không chuyên ở Đại học Quốc gia Hà Nội*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ 24 (2008).
4. Học viện Chính sách và Phát triển, *Báo cáo công tác đào tạo năm học 2019-2020*, Phòng Quản lý Đào tạo, 2020.
5. Paul A.L. Evans. *HRM on the Edge: A duality perspective*. London, Thousand Oaks, CA and New Delhi, 1999.
6. Võ Thị Tâm, *Các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên chính quy Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
7. Mushtaq, I. and Khan, S. N. *Factors Affecting Students' Academic Performance*. Global Journal of Management and Business Research, 12 (9), 2012.
8. Young Jones. *The many faces of Adolescent Depression: A Multi-Cultural Review*. Logos Publications, 2012.

## PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN...

*Tiếp theo trang 395*

+ Ngoài lương cơ bản dựa trên hệ số lương của nhà nước quy định, mỗi trường mầm non ngoài công lập có các khoản phụ cấp tùy thuộc vào khả năng tài chính và chế độ đãi ngộ của từng trường mà trả lương, thưởng và thực hiện các chế độ chăm lo cho giáo viên khác.

Việc thực hiện tốt chế độ chính sách đối với giáo viên là điều kiện cần thiết nhất để động viên, khuyến khích giáo viên cống hiến tốt hơn nữa cho công tác giáo dục ở trường mầm non. Nếu trường mầm non tư thục xây dựng được chế độ chính sách tốt sẽ là sự động viên kịp thời cho đội ngũ giáo viên, giúp họ tái tạo sức lao động và ngược lại. Quan trọng hơn hết, nếu hiệu trưởng các trường mầm non tư thục tạo cho đội ngũ giáo viên môi trường làm việc thoải mái, nhẹ nhàng thì sẽ là nền tảng cho việc ổn định và phát triển đội ngũ giáo viên ngày càng vững mạnh hơn.

### 3. Kết luận

Phát triển đội ngũ giáo viên trường mầm non tư thục là xây dựng đội ngũ đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, có tính ổn định lâu dài dựa trên cơ sở đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước để ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục, đạt mục tiêu, hoàn thành tốt kế hoạch GD&ĐT đã đề ra, đáp ứng yêu cầu đổi mới của xã hội, xây dựng được thương hiệu và uy tín riêng, góp phần thắng lợi trong sự nghiệp giáo dục quốc dân, cũng như công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vậy, công tác phát triển đội ngũ giáo viên ở các trường mầm non tư thục có ý nghĩa rất quan trọng.

**Tài liệu tham khảo**

1. Ban Chấp hành trung ương, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
2. Trần Khánh Đức, *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng, *Chỉ thị về việc nâng cao chất lượng ĐN nhà giáo và cán bộ QLGD số 40/CT-TW ban hành 15/6/2004*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ trường mầm non*, Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/04/2008.